

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

Số: 117/2023/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp Thanh Hóa, ngày 05 tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015

Căn cứ Nghị quyết 326/ 2016/ NQ- UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 148/2022/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc “ Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con khi ly hôn”. Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Trịnh Đức S – sinh năm 1994.

Địa chỉ: L, phường N, thành phố T.

2. Chị Ngô Thị T – sinh năm 1997.

ĐKKH: L, phường N, thành phố T.

Nơi ở : Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Trịnh Đức S và chị Ngô Thị T đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của anh chị. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Trịnh Đức S và chị Ngô Thị T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, sự thỏa thuận của anh chị về thuận tình ly hôn là có căn cứ, nên công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Trịnh Đức S và chị Ngô Thị T .

[2]. Về con chung: Anh Trịnh Đức S và chị Ngô Thị T có 01 con chung là cháu Trịnh Ngọc Minh C sinh ngày 06/01/2022. Ly hôn anh chị thỏa thuận giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Ngọc Minh C. Anh S cấp dưỡng tiền

nuôi con chung 2.000.000đồng/tháng (Hai triệu đồng/ tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01/2023 cho đến khi cháu Minh C thành niên.

Xét thấy việc thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, nên công nhận sự thỏa thuận của anh Trịnh Đức S và chị Ngô Thị T.

[3]. Về tài sản chung và công nợ chung: Anh Trịnh Đức S và chị Ngô Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét đây là tự nguyện của anh chị nên công nhận sự thỏa thuận của anh Trịnh Đức S và chị Ngô Thị T.

[4]. Về lệ phí: Anh S và chị T thỏa thuận anh S chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng, xét đây là sự tự nguyện của anh chị nên chấp nhận.

[5]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Đức S và chị Ngô Thị T.

- Về con chung: Anh Trịnh Đức S và chị Ngô Thị T có 01 con chung là cháu Trịnh Ngọc Minh C sinh ngày 06/01/2022. Ly hôn anh chị thỏa thuận giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Ngọc Minh C. Anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000đồng/tháng (Hai triệu đồng/ tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01/2023 cho đến khi cháu Minh C thành niên.

Anh S có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Trịnh Đức S và chị Ngô Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Anh Trịnh Đức S và chị Ngô Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về Lệ phí Tòa án: Công nhận sự thỏa thuận của anh S và chị T, anh S chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2021/0002596 ngày 02/12/2022 anh S đã nộp đủ.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND, VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- THADS TPTH;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Thị Nguyệt